

Số: 141/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2015

**THÔNG TƯ**

**Dừng thực hiện Thông tư số 63/2015/TT-BTC ngày 06/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng sản thuộc nhóm 07.14 tại Biểu thuế xuất khẩu**

*Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;*

*Căn cứ Nghị quyết số 710/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 22/11/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn 6746/VPCP-KTTH ngày 26/8/2015 của Văn phòng Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư dừng thực hiện Thông tư số 63/2015/TT-BTC ngày 06/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng sản thuộc nhóm 07.14 tại Biểu thuế xuất khẩu.*

**Điều 1.** Dừng thực hiện Thông tư số 63/2015/TT-BTC ngày 06/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng sản thuộc nhóm 07.14 tại Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 cho đến khi có văn bản mới của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Điều 2.** Các mặt hàng sản xuất khẩu thực hiện theo quy định của Thông tư

số 164/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế.

**Điều 3.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2015. / l

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ban nội chính Trung ương;
- Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (P<sub>XNK</sub>).

KT. BỘ TRƯỞNG  
T. THƯ TRƯỞNG



Vũ Thị Mai